

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 40 /2020/DS-ST

Ngày 18 / 08 /2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông Trần Văn Xuyên

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2. ông Nguyễn Đăng Bảy;

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước:** bà Trịnh Thị Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2020/DS-ST, ngày 22/5/2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 66 /2020 /QĐST-DS ngày 04 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : ông Đinh Q S; sinh năm 1960 ( có mặt )

Địa chỉ : thôn 8, xã Ngh Tr, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: bà Phạm Thị L Ng ; sinh năm 1964 ( có mặt )

chị Phan Thị K T; sinh năm 1984 ( vắng mặt )

Địa chỉ : thôn Bình Lợi, xã Ngh B, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 11/03/2020 Tôi có cho bà Phạm Thị L Ng và chị Phan Thị K T vay số tiền 300.000.000đ, ngày trả cuối cùng là 15/3/2020, lãi suất theo ngân hàng nhưng đến nay chưa trả gốc và lãi . Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị L Ng và chị Phan Thị K T phải liên đới trả toàn bộ số tiền gốc đã vay 300.000.000đ, tiền lãi theo ngân hàng , tạm tính 10.000.000đ.

**Bị đơn** bà Phạm Thị L Ng trình bày: Tôi có ký vào giấy vay tiền với ông Súly ngày 11/3/2020 là đúng nhưng tôi ký hộ con gái tôi, con gái tôi nhận tiền mặt từ ông Súly, tôi chỉ cầm tiền hộ cho con gái tôi cho nên trách nhiệm trả nợ là con gái tôi là Phan Thị K T.

Bị đơn chị Phan Thị K T trình bày nội dung: Ngày 11/3/2020 Tôi có vay tiền của ông Súly 300.000.000đ, là đúng, lãi suất thỏa thuận miệng, bà Nga không liên quan gì, chỉ là người làm chứng, khi nào được ra tù chị mới trả gốc và lãi cho ông Súly.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mà bị đơn đã vay Xét thấy bị đơn bà Phạm Thị L Ng và chị Phan Thị K T đều thừa nhận giấy vay tiền ngày 11/3/2020 là đúng, có ký nhận là đúng, có nhận tiền từ ông Súly 300.000.000đ là đúng nhưng bà Phạm Thị L Ng cho rằng mình chỉ nhận hộ cho con gái là Phan Thị K T nên không chịu trách nhiệm trả nợ, chị Tuyền thì cho rằng mình là người vay và tự chịu trách nhiệm trả nợ, bà Nga chỉ là người làm chứng, nguyên đơn không thừa nhận bà Nga chỉ là người làm chứng.

Bà Nga không có chứng cứ gì chứng minh là mình nhận tiền hộ cho chị Tuyền, chị Tuyền không có chứng cứ gì chứng minh bà Nga chỉ là người làm chứng, trong giấy vay tiền ngày 11/3/2020 ghi rõ chị Tuyền cùng bà Nga vay tiền của ông Súly .

Như vậy theo giấy vay tiền ngày 11/3/2020 mà các bên đã ký nhận thì bà Phạm Thị L Ng và chị Phan Thị K T đã vay tiền 300.000.000đ của ông Súly đến nay chưa trả , quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn liên đới trả nguyên đơn số tiền đã vay 300.000.000đ.

Về số tiền lãi: Do có tranh chấp , bà Nga không đồng ý trả nợ nên cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự, từ ngày 11/03/2020 đến nay 18/8/2020 là 5 tháng 7 ngày, cụ thể:

$300.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 5 \text{ tháng} 7 \text{ ngày} = 12.533.000đ.$   
Tổng cộng số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 312.533.000đ .

[ 4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Bà Phạm Thị L Ng , chị chị Phan Thị K T phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là  $312.533.000đ \times 5\% = 15. 626.650đ.$

Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.750.000.000đ

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;  
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị L Ng và chị Phan Thị K T phải liên đới trả cho ông Đinh Q S số tiền gốc đã vay 300.000.000đ, tiền lãi 12.533.000đ. Tổng cộng 312.533.000đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn bà Phạm Thị L Ng và chị Phan Thị K T phải liên đới phải nộp tiền án phí DSST là 15. 626.650đ. Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.750.000 đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010333 ngày 22/5/2020.

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**Trần Văn Xuyên**

